

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2017.

V/v Ly hôn giữa ông H và bà T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nha

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly, Thư ký Toà án nhân dân huyện Huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm X, thôn C, Xã L, huyện V, tỉnh P, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm X, thôn C, xã L, huyện V, Tỉnh P, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh P vào ngày 13/02/1992. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận được thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn giữa ông bà phát sinh từ năm 2014 do bất đồng về

kinh tế cũng như tình cảm dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát, bất hòa. Bà T tỏ thái độ coi thường ông dẫn đến vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt. Từ tháng 10/2014 đến nay ông bà sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 17/12/1992 và Phạm Văn K, sinh ngày 11/12/1998 hiện nay hai con chung của ông bà đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông xin tự giải quyết với bà Nguyễn Thị T về tài sản.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Phạm Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V vào ngày 13/02/1992. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát, bất hòa. Từ tháng 10/2014 đến nay vợ chồng ông bà sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay ông H xin ly hôn bà không đồng ý.

Về con chung: Bà và ông Phạm Văn H có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 17/12/1992 và Phạm Văn K, sinh ngày 11/12/1998 hiện nay hai con chung của ông bà đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà xin tự giải quyết với ông Phạm Văn H về tài sản.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau;

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, cũng như các hoạt động tố tụng khác; Các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ yêu cầu của Tòa án về việc tham gia phiên họp, phiên hòa giải, bị đơn không tham gia phiên họp và phiên hòa giải, tuy nhiên việc

bị đơn không tham gia phiên họp và phiên hòa giải không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Về con chung: Ông H và bà T có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 17/12/1992 và Phạm Văn K, sinh ngày 11/12/1998 hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết về con chung nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản: Ông H và bà T xin tự giải quyết với nhau về tài sản nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Ly hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Huyện V, thành phố Tỉnh P.

[2]. Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T kết hôn ngày 13/02/1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã L, huyện V, tỉnh P, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận được thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T phát sinh từ năm 2014 do nghi ngờ nhau về tình cảm dẫn đến xô sát, bất hòa. Từ tháng 10/2014 đến nay ông bà sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay ông H nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T, tuy nhiên bà T không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, cho ông được ly hôn bà T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 17/12/1992 và Phạm Văn K, sinh ngày 11/12/1998 hiện nay các con ông bà đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T xin tự giải quyết với nhau về tài sản nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ và phí tòa án, ông Phạm Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ và phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ông H đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Huyện V theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005303 ngày 20/3/2017. Ông Phạm Văn H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo;
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- UBND xã L huyện V, Tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền